

Bản án số: 96/2017/HSST

Ngày 28 - 11 - 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Xuân.

Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí.

Nơi cư trú: Khu Tân Mỹ II, thị trấn Hữu Lũng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Ông Nguyễn Duy Toàn.

Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Đảng ủy xã Minh Hòa, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Ngọc Dinh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2017/HSST ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Trần Thị H, sinh ngày 12 tháng 02 năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn L, sinh năm 1954 và con bà Vi Thị Q (đã chết năm 2007); có 02 anh, em ruột, bị cáo là thứ hai; chồng: Lương Văn H, sinh năm 1978; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Có 03 tiền án: Tại bản án số 31/2007/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2007 của Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, xử phạt Trần Thị H 16 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, ngày 12 tháng 01 năm 2009 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; tại bản án số 02/2011/HSST ngày 16 tháng 02 năm 2011 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt Trần Thị H 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo được hoãn thi hành án do đang nuôi con nhỏ dưới 36

tháng tuổi; tại bản án số 78/2017/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2017, bị Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt của bản án số 02/2011/HSST ngày 16 tháng 02 năm 2011, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 06 tháng tù; tiền sự: Không có; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08 tháng 10 năm 2017 đến nay. Có mặt.

Người bị hại: Chị Đặng Hồng G, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Đường B, khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Anh Hoàng Tư H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Anh Lương Văn H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Thị H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2017, Trần Thị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12F2 - 9498 đi từ nhà của Trần Thị H ở thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đến thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để giải quyết công việc. Trong khi chờ giải quyết công việc, khoảng 08 giờ cùng ngày, Trần Thị H đi xe mô tô ra ngã tư Quốc lộ 1A thuộc thôn A, xã S, huyện H, rẽ phải theo hướng đi Hà Nội mua thức ăn. Sau đó Trần Thị H điều khiển xe đi thêm khoảng 15 mét thì phát hiện bên phải đường có một ngôi nhà, cửa ra vào bằng kính của gia đình chị Đặng Hồng G, sinh năm 1986, trú tại thôn A, xã S, huyện H, quan sát qua cửa kính thấy không có người bên trong nên Trần Thị H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Trần Thị H dựng xe vào sát lề đường, tắt máy, đi bộ đến gần cửa kính, nhìn vào trong thấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng có ốp nhựa màu trắng để trên ghế bên phía tay trái hướng từ cửa chính vào. Trần Thị H đẩy cửa đi vào trong nhà đến vị trí để chiếc điện thoại, tay trái cầm chiếc điện thoại cất vào túi áo đang mặc rồi đi ra ngoài, điều khiển xe mô tô quay lại thị trấn H.

Khoảng 12 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2017, Trần Thị H đi xe mô tô đến quán sửa chữa điện thoại di động T P của anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1988 ở thôn B, xã T, huyện H để mở khóa chiếc điện thoại mà Trần Thị H trộm cắp nhưng không mở được nên Trần Thị H đã bán chiếc điện thoại trên cho anh

Nguyễn Quang T với giá 500.000 đồng. Trần Thị H nói với Nguyễn Quang T chiếc điện thoại di động là của Trần Thị H nhặt được trên đường.

Cũng trong ngày 05 tháng 10 năm 2017, chị Đặng Hồng G sau khi phát hiện chiếc điện thoại di động của mình bị mất trộm đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an huyện Hữu Lũng. Đến 19 giờ 55 phút cùng ngày, tại quán sửa chữa điện thoại của anh Nguyễn Quang T, Công an huyện Hữu Lũng đã tạm giữ chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng cùng chiếc ốp nhựa mà Trần Thị H đã bán cho anh Nguyễn Quang T.

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, Trần Thị H sau khi biết hành vi của mình bị phát hiện đã giao nộp lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng số tiền 500.000 đồng do Trần Thị H bán chiếc điện thoại di động của chị Đặng Hồng G có được cùng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12F2 – 9498 và giấy đăng ký mô tô, xe máy số 0019650 của xe mô tô nói trên.

Tại kết luận định giá tài sản ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Hữu Lũng kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng có ốp nhựa màu trắng do Trần Thị H trộm cắp có trị giá 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Về vật chứng: Sau khi làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hữu Lũng đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Đặng Hồng G chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng có ốp nhựa màu trắng, bị Trần Thị H trộm cắp ngày 05 tháng 10 năm 2017.

Hiện còn tạm giữ: Số tiền 500.000 đồng của Trần Thị H do phạm tội mà có; chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12F2 – 9498 cùng giấy đăng ký là tài sản chung của vợ chồng Trần Thị H và anh Lương Văn H mua lại của anh Hoàng Tư Q, sinh năm 1986 ở cùng thôn với Trần Thị H; việc Trần Thị H sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội anh Lương Văn H không biết.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Đặng Hồng G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Trần Thị H phải bồi thường.

Anh Nguyễn Quang T yêu cầu Trần Thị H phải trả lại số tiền 500.000 đồng mà anh đã sử dụng để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 với Trần Thị H.

Tại bản cáo trạng số: 99/VKS-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng đã truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trần Thị H giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra về hành vi trộm cắp tài sản và khẳng định bị cáo bị truy tố, xét xử về tội trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang T giữ nguyên ý kiến yêu cầu bị cáo Trần Thị H phải trả lại số tiền 500.000 đồng mà anh đã sử dụng để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6. Bị cáo Trần Thị H nhất trí trả anh Nguyễn Quang T số tiền 500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm 1, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33, 45, 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù và tổng hợp hình phạt theo quy định pháp luật.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 687 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Quang T và bị cáo Trần Thị H, bị cáo Trần Thị H phải trả cho anh Nguyễn Quang T số anh đã sử dụng để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng của bị cáo Trần Thị H do phạm tội mà có.

Trả lại cho anh Lương Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu DRAGON biển kiểm soát 12F2 – 9498 và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy là tài sản chung của vợ chồng Trần Thị H và anh Lương Văn H. Việc Trần Thị H sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội anh Lương Văn H không biết.

Phản tranh luận: Không ai có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo Trần Thị H xin được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác tại phiên toà.

XÉT THẤY

Bị cáo Trần Thị H đã khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cụ thể: Khoảng 08 giờ ngày 05 tháng 10 năm 2017, Trần Thị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12F2 – 9489 đi đến nhà chị Đặng Hồng G, phát hiện nhà chị Đặng Hồng G không có người ở nhà nên

Trần Thị H đi vào trong nhà lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng có ốp nhựa màu trắng trị giá 4.500.000 đồng của chị Đặng Hồng G sau đó mang đi bán được 500.000 đồng. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trần Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số: 99/VKS-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trần Thị H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi đó gây mất trật tự trị an của địa phương, gây bất bình trong dư luận xã hội. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, nhưng vì lười lao động, không muốn kiếm tiền một cách chính đáng và coi thường pháp luật nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác, bị cáo đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt nhất định tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục cho chính bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

Về nhân thân: Bị cáo Trần Thị H có nhân thân xấu, đã có 03 tiền án về tội trộm cắp tài sản.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Thị H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Trần Thị H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã giao nộp lại số tiền do phạm tội mà có và tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là phụ nữ đang mang thai nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên khi lượng hình cần quyết định một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, nhằm răn đe, giáo dục cho chính bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung, qua xác minh xét thấy bị cáo thuộc diện hộ nghèo, không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Quang T là người mua chiếc điện thoại do Trần Thị H trộm cắp của người khác, tuy nhiên khi mua bán, anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đặt vấn đề xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Quang T và bị cáo Trần Thị H, bị cáo Trần Thị H phải trả cho anh Nguyễn Quang T số anh đã sử dụng để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

Người bị hại chị Đặng Hồng G đã nhận lại tài sản và không yêu cầu Trần Thị H phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng của bị cáo Trần Thị H do phạm tội mà có.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu DRAGON, biển kiểm soát 12F2 – 9498, xe cũ nát đã qua sử dụng và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy 0019655 mang tên Hoàng Văn T, địa chỉ: Trường THCS T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nhãn hiệu DRAGON, biển kiểm soát 12F2 – 9498 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006 là tài sản chung của vợ chồng Trần Thị H và anh Lương Văn H. Việc Trần Thị H sử dụng chiếc xe làm phương tiện phạm tội anh Lương Văn H không biết nên cần trả lại cho anh Lương Văn H.

Về án phí: Bị cáo Trần Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm l, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các Điều 33, 45, 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 78/2017/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 687 của Bộ luật dân sự.

Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Quang T và bị cáo Trần Thị H, bị cáo Trần Thị H phải trả cho anh Nguyễn Quang T số anh đã sử dụng để mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 là 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm b, c khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 500.000 đồng (*năm trăm nghìn đồng*).

Trả lại cho anh Lương Văn H 01 xe mô tô nhãn hiệu DRAGON, biển kiểm soát 12F2 – 9498, xe cũ nát đã qua sử dụng và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy 0019655 mang tên Hoàng Văn T, địa chỉ: Trường THCS T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nhãn hiệu DRAGON, biển kiểm soát 12F2 – 9498 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14 tháng 11 năm 2017 và Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 14 tháng 11 năm 2017).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và để sung công quỹ Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Thanh Huyền

